

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN ĐỘNG
Số: 03 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tiền Động, ngày 04 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách xã quý IV năm 2023 của UBND xã Tiên Động

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 43/TB-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Tiên Động về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Quý IV năm 2023 của UBND xã Tiên Động;

Căn cứ Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Tiên Động về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Quý III năm 2023 của UBND xã Tiên Động;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, Tại UBND xã Tiên Động.

Ủy ban nhân dân xã Tiên Động thông báo kết thúc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Quý IV năm 2023 (Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tiên Động.
- + Niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND xã.
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã .

- Thời gian công khai: Từ ngày 02/01/2024 đến 01/02/2024

Ủy ban nhân dân xã Tiên Động thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệu

Số: 02 /QĐ-UBND

Tiên Động, ngày 04 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã
quý IV năm 2023 của UBND xã Tiên Động

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIỀN ĐỘNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 4800/QĐ- UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Từ Kỳ về việc giao quyền thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với UBND xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2023;

Căn cứ quyết định số 4677/QĐ -UBND ngày 29/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn năm 2023;

Căn cứ Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2022 và dự toán ngân sách xã năm 2023

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý IV năm 2023 của xã Tiên Động tại trụ sở làm việc UBND, trên loa truyền thanh và trên cổng thông tin điện tử xã (theo các biểu mẫu theo quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức Tài chính - Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các ông trưởng thôn;
- Lưu: VP, TC-KT xã.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Liệu

NGÂN ĐÓI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV	SỐ SÁNH (%)
I	TỔNG SỐ THU	5.852.000.000	1.465.817.561	25,05
I	Các khoản thu xã hưởng 100 %	84.000.000	8.732.083	10,40
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	65.000.000	19.085.478	29,36
2	Thu bổ sung	5.703.000.000	1.438.000.000	25,21
3	Bổ sung cân đối ngân sách	4.703.000.000	1.438.000.000	30,58
	Thu từ tiền sử dụng đất	1.000.000.000		-
	Thu bổ sung có mục tiêu	-		#DIV/0!
4	Thu chuyển nguồn	-		-
II	TỔNG SỐ CHI	4.703.000.000	2.244.728.131	47,73
I	Chi đầu tư phát triển	-	750.000.000	
2	Chi thường xuyên	4.703.000.000	1.494.728.131	31,78

UBND Xã: **Tân Đông**
ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: đồng



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		5.852.000.000	-	1.465.817.561	-	25,05%
	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)		65.000.000	-	19.085.478	-	29,36%
I	Thuế thu nhập cá nhân		8.000.000		1.064.938		13,31%
1	Thuế giá trị gia tăng		16.000.000		2.325.863		14,54%
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		15.000.000		5.545.917		36,97%
3	Thuế môn bài		6.000.000		300.000		5,00%
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		20.000.000		9.848.760		49,24%
5	Các khoản thu xã hưởng 100%		84.000.000	-	8.732.083	-	26,87%
III	Phí, lệ phí		34.000.000		8.154.000		23,98%
1	Thu khác		20.000.000		578.083		2,89%
2	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công		30.000.000				0,00%
3	Thu từ tiền sử dụng đất		1.000.000.000				
4	Thu chuyển nguồn		-				
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.703.000.000	-	1.438.000.000		30,58%
IV	Bổ sung cân đối ngân sách		4.703.000.000		1.438.000.000		30,58%
1	Bổ sung có mục tiêu						
2							

Ước thực hiện chi ngân sách xã Quý IV năm 2023

UBND Xã: Tiên Động

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.852.000.000	-	5.852.000.000	2.244.728.131	-	2.244.728.131	38,36%		38,36
		-			-			#DIV/0!		#DIV/0!
		-			-			0,00%		-
1	Chi văn hóa, thông tin	24.000.000		24.000.000	-			47,79%		47,79
2	Chi dân quân tự vệ	261.216.000		261.216.000	124.833.460		124.833.460	23,91%		23,91
3	Chi trật tự an toàn xã hội	154.308.000		154.308.000	36.888.000	-	36.888.000			-
4	Chi giáo dục	300.000.000		300.000.000	-			15,80%		15,80
5	Chi phát thanh, truyền thanh	80.500.000		80.500.000	12.720.000		12.720.000	0,00%		-
6	Chi thể dục, thể thao	15.000.000		15.000.000	-			26,87%		26,87
7	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	171.240.000		171.240.000	46.012.500		46.012.500	0,00%		-
8	Môi trường	65.000.000		65.000.000	-			50,42%		50,42
9	Giao thông	35.700.000		35.700.000	18.000.000		18.000.000	32,81%		32,81
10	Quản lý hành chính	2.039.248.000		2.039.248.000	668.981.061		668.981.061	32,58%		32,58
11	Tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp	52.472.000		52.472.000	17.098.000		17.098.000	31,37%		31,37
12	Hoạt động Đảng	697.932.000		697.932.000	218.936.314		218.936.314	38,41%		38,41
13	Tổ chức chính trị xã hội	730.236.000	-	730.236.000	280.485.796	-	280.485.796	0,00%		-
14	Hội Cựu chiến binh	112.628.000		112.628.000	-			0,00%		-
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ	133.666.000		133.666.000	-			0,00%		-
16	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	329.592.000		329.592.000	-			0,00%		-
17	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	128.626.000		128.626.000	-			0,00%		-
18	Hội Nông dân	114.004.000		114.004.000	-			27,58%		27,58
14	Lương hưu	256.632.000		256.632.000	70.773.000		70.773.000	0,00%		-
15	Chi dự phòng + tiết kiệm	150.000.000		150.000.000	-					
16	Chi trả nợ XDCB						750.000.000			